



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY



năng lượng
hôm nay
thế giới
ngày mai

4 THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5 **THÔNG TIN CÔNG TY**
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
Tổng quan
Chặng đường phát triển
Những thành tựu phát triển
Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh
Khẳng định vị thế
Năng lực kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Giới thiệu Hội đồng Quản trị
Giới thiệu Ban Giám đốc
Giới thiệu Ban Kiểm soát

13 **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**
Tình hình sản xuất kinh doanh
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính

19 **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**
Báo cáo của Ban Giám đốc
Định hướng phát triển
Kế hoạch năm 2013
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

29 **THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
Hội đồng Quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS
Thông tin cổ đông
Quản trị rủi ro
Quan hệ cổ đông
Hoạt động xã hội

39 **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và Nhà đầu tư

Đã năm năm trôi qua kể từ khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bùng phát năm 2008, song kinh tế thế giới vẫn đang phục hồi chậm chạp. Gam màu chủ đạo của bức tranh kinh tế thế giới năm 2012 là “xám tối” trong bối cảnh nhịp độ tăng trưởng trên toàn cầu tiếp tục yếu. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy mà lối thoát thì chưa thực sự rõ ràng, kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng lạc quan như khoảng 3 - 5 năm trước.

Tại Việt Nam, năm 2012 cũng là năm khó khăn với tăng trưởng kinh tế thấp, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, số doanh nghiệp đã giải thể và dừng hoạt động tăng mạnh nhất trong vòng 10 năm qua. Trong lĩnh vực tiêu thụ khí nói chung và khí nén thiên nhiên (khí CNG) nói riêng, năm 2012 cũng chứng kiến sự sụt giảm mạnh về nhu cầu sử dụng khí do hầu hết các khách hàng sử dụng khí CNG đều giảm sản xuất, không những do nguyên nhân chính hàng tồn kho lớn không tiêu thụ mà còn do giá nhiên liệu liên tục tăng cao, các khách hàng sản xuất thép giảm khoảng 25% sản lượng, gạch men, gốm sứ giảm hơn 15% sản lượng so với cùng kỳ năm 2011.

Đối với CNG VIỆT NAM, thách thức và khó khăn trong năm qua không phải là nhỏ, nhưng với sự phấn đấu và nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể là:

- » Sản lượng CNG tiêu thụ đạt kế hoạch: 53 triệu m³
- » Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch và đạt: 132,23 tỷ đồng
- » Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch và đạt: 117,93 tỷ đồng
- » Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 31%

Sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận qua từng năm đã khẳng định vị thế của Công ty trong việc phát triển không ngừng để trở thành nhà cung cấp CNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu thị trường về thị phần.

Bước sang năm 2013, khi công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu với mục tiêu ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, dự báo nền kinh tế vẫn tiếp tục khó khăn, hoạt động sản xuất của khách hàng chính tại CNG VIỆT NAM có thể vẫn chưa cải thiện, nhu cầu tiêu thụ khí có thể sẽ được phục hồi chậm.... Các thách thức này sẽ ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ thực tế của CNG VIỆT NAM, đòi hỏi Công ty phải linh hoạt đưa ra nhiều kịch bản kinh doanh để ứng phó với những biến động của thị trường. Bên cạnh đó, công tác quản trị phải đi vào chiều sâu, minh bạch, gắn hiệu quả kinh doanh với thu nhập của người lao động; Không ngừng cải tiến kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống định mức sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí; Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, tiếp thị về CNG/LNG, áp dụng mức giá bán thâm nhập linh hoạt đối với từng thị trường, từng thời điểm, tìm kiếm các khách hàng mới, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các khách hàng chủ lực trong ngành vật liệu xây dựng hiện nay.



Với sự hỗ trợ quý báu của Tổng công ty khí Việt Nam-PVGAS, Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam-PVGAS S, với một thị trường nhiên liệu đầy tiềm năng và một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt huyết, nhiều kinh nghiệm, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng CNG Việt Nam sẽ tiếp tục hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và các năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ, nhân viên CNG VIỆT NAM, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị và hy vọng rằng Quý vị luôn đồng hành cùng Công ty trên chặng đường phát triển mới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vũ Tuấn Ngọc

chung tay xây dựng một
thế giới xanh





Sứ mệnh

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG VIỆT NAM bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG trên thị trường

Tầm nhìn

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG VIỆT NAM trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực

Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và thân thiện với môi trường



TỔNG QUAN

Công ty cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/05/2007, hiện nay các cổ đông chính là Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, IEV Group, IEV Energy và các cổ đông khác. CNG Vietnam chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối khí nén thiên nhiên (Compressed Natural Gas - CNG) để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; Phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

CNG VIETNAM là khởi nguồn tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam, là giải pháp công nghệ tiên tiến "ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH TỚI MỌI NƠI" sẽ giúp các Doanh nghiệp giảm chi phí nhiên liệu, góp phần bảo vệ môi trường.

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

2007

Công ty cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng với 3 cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí 51% vốn điều lệ; Công ty IEV Energy Sdn. Bhd 42% vốn điều lệ; Công ty TNHH Sơn Anh 7% vốn điều lệ.

2008

CNG VIETNAM tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000đ (sáu mươi bảy tỷ hai trăm triệu đồng) với sự tham gia góp vốn của các cổ đông như: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí (PVGas D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VIETNAM đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu m³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

2009

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG VIETNAM sang Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam. CNG VIETNAM tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện các dự án: Dự án mở rộng Nhà máy CNG Phú Mỹ từ 30 triệu m³ lên 70 triệu m³.

2010

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, Công ty đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67,2 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược của Công ty theo Nghị quyết số 314/NQ-ĐHĐCĐ/2010 của ĐHĐCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO: 1400:2004 và đã được BSI (Viện tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/7/2010.

2011

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh chính thức đi vào hoạt động cho đến nay, tổng công suất thiết kế CNG chính thức đạt 70 triệu m³ cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Long An.



Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp quyết định số 167/2011/QĐ - SGDHCM, chấp thuận việc đăng ký niêm yết cổ phiếu CNG trên Sàn giao dịch. Ngày 23/11/2011, cổ phiếu CNG chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Hose) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG.

2012

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỉ lệ 5% vốn điều lệ, (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ - HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213,28 tỷ đồng.

213,28 TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2012

NHỮNG THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN

Trong quá trình phát triển, Công ty đã đạt được những thành tích như sau:

- » Bằng khen Tập đoàn dầu khí Việt Nam
- » Bằng khen Bộ công Thương
- » Bằng khen Thủ tướng
- » Chứng chỉ Hệ thống Quản lý ATCLMT do BSI cấp, năm 2010
- » Bằng khen Đơn vị thi đua xuất sắc do Thủ tướng trao tặng
- » Giải Top 50 BCTN tốt nhất năm 2012



Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2007	Vốn điều lệ ban đầu		67,200	Phát hành thêm
2010		57,800	125,000	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011		37,500	162,500	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011		40,625	203,125	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu
2012		10,156	213,281	Esop cho CBCNV

Năm 2009, sau hơn 2 năm ra đời, CNG VIETNAM chỉ có 3 khách hàng là Công ty Gạch men Bách Thành, Công ty TBVS Ceasar và Công ty TNHH URC Vietnam. Trước tình hình khó khăn đó, buộc Công ty phải thay đổi các phương thức, mô hình phát triển thị trường một cách hiệu quả hơn nhằm tăng nhanh số lượng khách hàng, sản lượng tiêu thụ và mở rộng thị trường. Kết quả là từ chỉ có 3 khách hàng trong năm 2009 với sản lượng tiêu thụ 9 triệu m³ thì đến nay đã có tới 27 khách hàng với sản lượng 53 triệu m³.

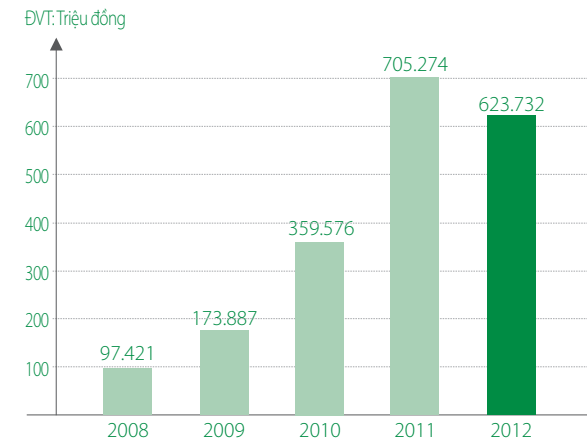
Năm 2012, sau hơn 5 năm thành lập, tổng giá trị tài sản của Công ty đã tăng gấp 6,4 lần so với năm 2008.

Trong giai đoạn từ năm 2008 - 2012, doanh thu của Công ty đã tăng khá mạnh từ 7,86 tỷ đồng lên 801,19 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng từ mức -4,47 tỷ đồng lên 117,92 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng cao của doanh thu và lợi nhuận càng khẳng định sự tăng trưởng vượt bậc về khả năng sinh lời của Công ty.

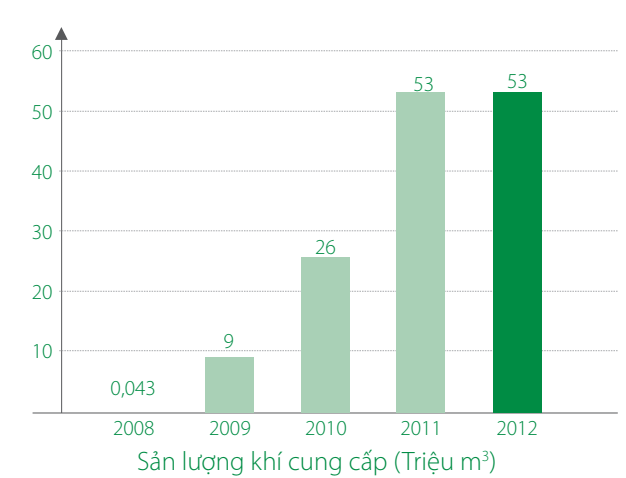
Trong những năm qua, CNG VIETNAM luôn nỗ lực để tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông. Hiện CNG VIETNAM là một trong số ít các doanh nghiệp luôn duy trì tỷ lệ trả cổ tức cao, mức cổ tức trung bình là 35%/năm.

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của Công ty. Trong thời gian qua, bộ máy tổ chức không ngừng được kiện toàn, năng lực quản lý không ngừng được nâng cao, quy mô nhân sự cũng tăng dần đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của Công ty.

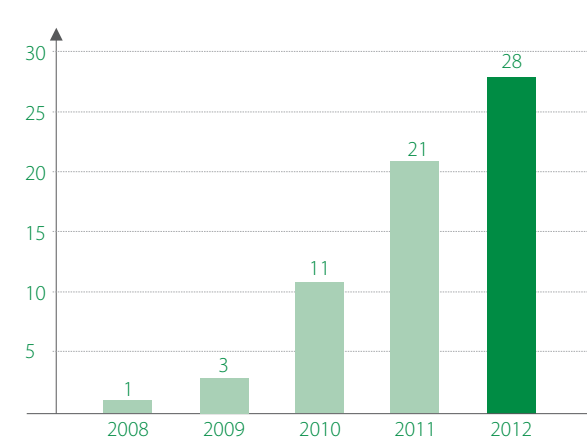
Tổng tài sản qua các năm



Sản lượng khí tăng qua các năm

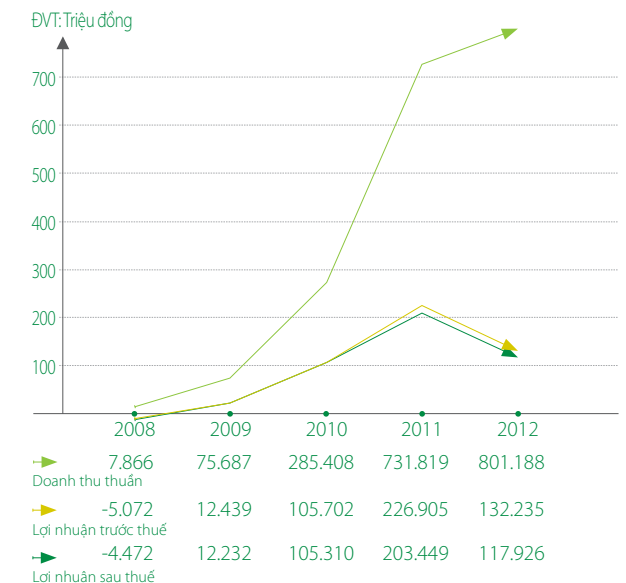


Khách hàng tăng qua các năm

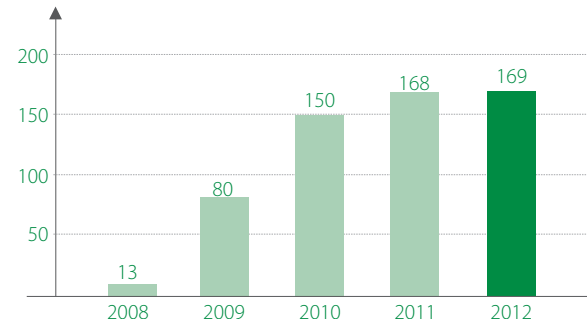


Số lượng khách hàng sử dụng khí tại CNG VIETNAM

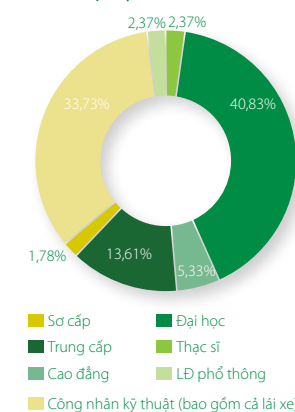
Doanh thu và lợi nhuận qua các năm



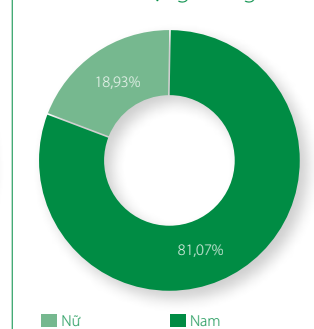
Tổng số người lao động tại CNG VIETNAM qua các năm



Trình độ học vấn năm 2012



Cơ cấu lao động theo giới tính



Lĩnh vực kinh doanh:

- » Sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.
- » Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.
- » Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật.
- » Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí.
- » Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Địa bàn kinh doanh:

Trải rộng các tỉnh từ Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, TP. HCM, Bình Dương đến Long An, Bình Thuận

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Mục tiêu của Công ty là trở thành một doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch, địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước, phát triển theo hướng đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Khí CNG có lợi thế hơn hẳn so với các nhiên liệu khác như than, DO, FO... thể hiện qua những đặc tính sau:

Về công nghệ:

- » CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH₄ - metane (chiếm 85%- 95%).
- » Chiếm ưu thế hơn hẳn về khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiệt liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.
- » Khí tự nhiên không độc hại cũng không gây ăn mòn thiết bị.
- » Sử dụng khí tự nhiên làm tăng tuổi thọ của hệ thống thiết bị: Nhiên liệu sạch nên không có muội than đóng trên các bề mặt làm việc của thiết bị, giảm đáng kể chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

Về môi trường:

- » Thành phần chính trong khí thải của quá trình đốt khí tự nhiên chủ yếu là H₂O và CO₂ và một tỷ lệ không đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường là CO, HC và muội than. Hàm lượng khói thải gần như bằng không, hàm lượng CO₂, CO, Hydrocarbon thấp hơn so với nhiên liệu xăng dầu.

Về hiệu quả kinh tế:

- » Khí CNG rẻ hơn so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG. Sử dụng khí tự sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất.
- » Khí sạch nên tiết kiệm chi phí bảo dưỡng sửa chữa.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

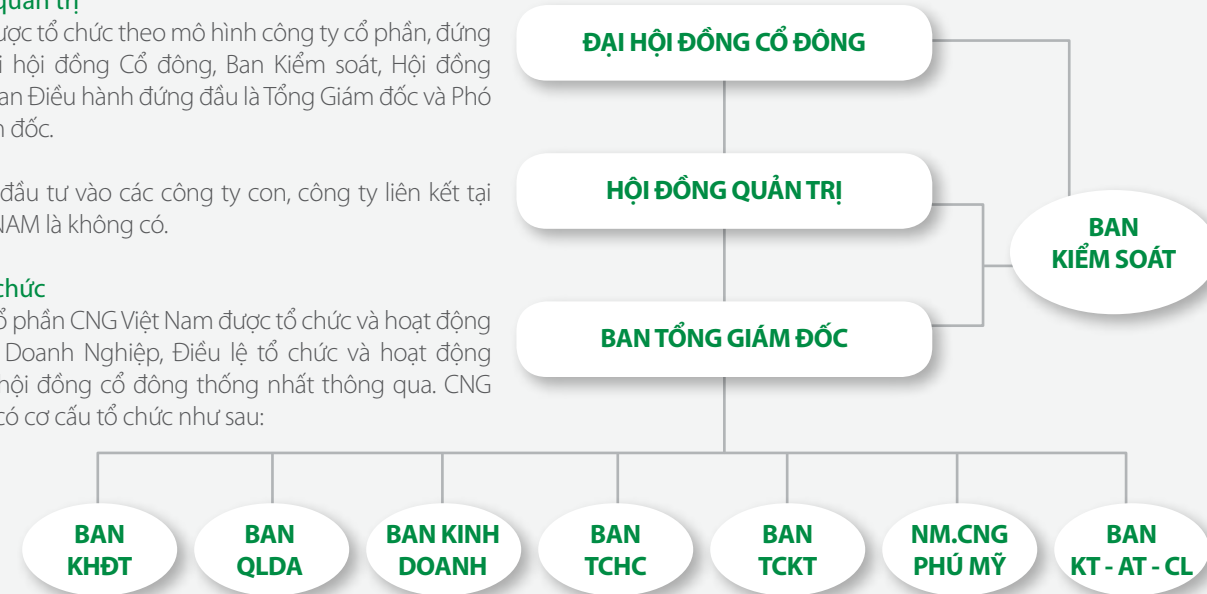
Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc.

Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tại CNG VIETNAM là không có.

Sơ đồ tổ chức

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. CNG VIETNAM có cơ cấu tổ chức như sau:



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **Vũ Tuấn Ngọc**
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1957
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế



Ông **Đặng Văn Vĩnh**
Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Ông **Vũ Quý Hiệu**
Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Ông **Christopher Đỗ Nghĩa**
Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1959
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí (Mechanical Engineer)



Bà **Lê Thị Thu Giang**
Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

NĂNG LỰC KINH DOANH



Cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tài sản cố định chủ yếu của Công ty bao gồm: Hệ thống máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, hệ thống phương tiện vận chuyển khí chuyên dụng và hệ thống trạm giảm áp đặt tại các Khách hàng. Trong đó:

Nhà máy CNG Phú Mỹ với công suất 70 triệu m³ khí/năm đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng.

Hệ thống phương tiện vận chuyển với 7 xe đầu kéo, 43 rơ moóc và bốn chứa chuyên dụng.

Hệ thống trạm giảm áp được lắp đặt tại các Khách hàng gồm 3 trạm trung tâm cấp khí cho 7 Khách hàng và 16 trạm tại Khách hàng riêng lẻ với công suất từ 700 đến 3000 Sm³/h.

Toàn bộ hệ thống được thiết kế theo các tiêu chuẩn ASME, API, ANSE, ISO ...

Những thay đổi trong Thành viên Hội đồng Quản trị:

Ngày 20/12/2012 Hội đồng Quản trị Công ty ra Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT/2012 về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng và bổ nhiệm Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty đối với bà Lê Thị Thu Giang, bổ nhiệm ông Ngô Duy Trọng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 20/12/2012.

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC



Ông Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế,
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



Ông Bùi Văn Đản
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công
nghệ Dầu khí, Cử nhân Anh văn



Ông Trần Quang Đán
Phó Tổng Giám đốc KHĐT

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xây
dựng, Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp



Bà Nguyễn Thị Hồng Hải
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vụn
tải biển, Cử nhân Tài chính Kế toán



Ông Ngô Duy Trọng
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Thay đổi Tổng Giám đốc: Không

Thay đổi phó Tổng Giám đốc: Không

Thay đổi Kế toán trưởng: Như trên
phần thay đổi Hội đồng Quản trị
đã nêu.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Ngô An Hòa
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Kiểm toán



Ông Nguyễn Văn Hưng
Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí



Ông Đặng Quốc Vương
Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài
chính Doanh nghiệp

Những thay đổi trong Ban Kiểm soát: Năm 2012 không có sự thay đổi Ban Kiểm soát.

tiên phong dẫn đầu
công nghệ



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012, doanh thu của Công ty đạt 801,19 tỷ đồng tăng 53,25 tỷ đồng so với năm 2011.

Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh 2012

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ % 2012/2011	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng kinh doanh						
	- Sản lượng kinh doanh CNG	m³	53.610.106	53.000.000	53.000.000	98,86%	100,00%
2	Chỉ tiêu tài chính						
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	747,940	800,000	801,190	107,12%	100,15%
	Tổng chi phí	Tỷ đồng	521,030	671,000	690,120	132,45%	102,85%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	226,910	129,000	132,230	58,28%	102,50%
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/CP	10.116	6.048	5.339	52,78%	88,27%
3	Đầu tư						
a.	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	218,440	106,500	55,380	25,00%	52,00%
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	2,090	15,670	9,870	472,00%	62,99%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	216,350	31,070	45,510	21,00%	146,48%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	0,000				
b.	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	218,440	153,240	73,340	34,00%	48,00%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	57,980	61,300	52,330	90,00%	85,00%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	160,460	91,940	21,010	13,00%	23,00%

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

» Thuận lợi:

» Với chủ trương của ngành dầu khí cho việc phát triển sản phẩm CNG nên Công ty nhận được nhiều ủng hộ, hỗ trợ kịp thời từ PVGAS, PVGAS SOUTH.

» Đội ngũ lãnh đạo và CB-CNV của Công ty đều có năng lực, kinh nghiệm và tâm huyết đối với công việc sản xuất kinh doanh khí CNG.

» Máy móc, thiết bị, phương tiện hiện đại, hoạt động ổn định đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

» Khó khăn:

» Tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, nhóm khách hàng trong ngành vật liệu xây dựng chiếm hơn 74% cơ cấu doanh thu của CNG VIETNAM, đang hoạt động cầm chừng do thị trường bất động sản và xây dựng

tiếp tục trầm lắng kéo dài. Nhiều doanh nghiệp có lượng hàng tồn kho lớn nên không phát huy hết công suất, sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt thấp.... Các nguyên nhân đó làm ảnh hưởng đáng kể đến việc tiêu thụ khí CNG.

» Một số khách hàng gần đường ống của Công ty PVGAS D chuyển sang sử dụng khí thấp áp.

» Giá khí đầu vào tăng.

» Các thiết bị chính đến thời kỳ cần bảo dưỡng, sửa chữa nhiều.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Căn cứ kế hoạch đầu tư năm 2012 và kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án đến năm 2015 đã được phê duyệt, CNG VIETNAM đã tiếp tục phát huy, duy trì các giải pháp, chỉ đạo quyết liệt trong công tác tổ chức thực hiện đầu tư các dự án. Tuy nhiên vốn giải ngân cả năm 2012 chỉ đạt 55,38 tỷ đồng bằng 36,14% kế hoạch. Kết quả thực hiện đầu tư thấp là do các nguyên nhân sau:

» Trên cơ sở dự báo về nguồn cung khí và đánh giá lại tình hình thị trường tiêu thụ khí CNG đến năm 2015, Công ty đã cân nhắc và quyết định tạm dừng và giãn tiến độ các dự án, bao gồm Dự án Nhà máy CNG Nhơn Trạch, Dự án Thái Bình, Dự án LNG.

» Một số thiết bị đầu tư chưa giải ngân hết theo kế hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Tiến độ và kết quả đầu tư các dự án đã được triển khai trong năm 2012 như sau:

» Dự án 3 trạm phân phối khí trung tâm:

» Trạm 1: Tại KCN Sóng Thần 2, hoàn thành lắp đặt đường ống từ trạm Long Tai và cấp khí cho khách hàng Perfetty và Asama;

» Trạm 2: Hoàn thành lắp đặt đường ống từ trạm Kumho cấp khí cho khách hàng AFI, dự kiến nhận khí vào cuối tháng 2/2013;

» Trạm 3: Hoàn thành lắp đặt đường ống từ trạm American Home và cấp khí cho khách hàng American Standard.

» Nghiên cứu đầu tư về công nghệ tăng hiệu suất sử dụng khí tại các hộ tiêu thụ.

» Nghiên cứu Dự án Biomass.

» Xây dựng văn phòng làm việc: Dự kiến đến quý II/2013 sẽ hoàn thành.

» Hoàn thành mua lại cơ sở hạ tầng của DMC tại Nhà máy CNG Phú Mỹ.

» Mua lại 03 bồn CNG của Gas City.

73,34 TỶ ĐỒNG
TỔNG VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2012

Bảng tiến độ giải ngân các dự án chính tại CNG VIETNAM

Tình hình giải ngân	ĐVT: Tỷ đồng
- Nguồn vốn của năm 2011	2,13
- Tổng vốn đầu tư năm 2012	153,24
Trong đó:	
+ Kế hoạch được duyệt năm 2012	106,50
+ Bổ sung vốn đầu tư mua 3 bồn CNG 40ft	31,07
+ Bổ sung vốn đầu tư mua cơ sở hạ tầng của DMC	15,67
Chi tiết thực hiện như sau	
- Thực hiện giải ngân các dự án trong năm 2012	55,38
Gồm:	
+ 5 bồn thuê tài chính năm 2011 (5% giá trị còn lại)	2,13
+ Thiết kế và thi công lắp đặt 14 bồn CNG lên 14 rơ-móc	0,55
+ Gói EPC	3,70
+ Thiết kế và thi công lắp đặt 6 bồn CNG lên 6 rơ-móc	0,23
+ Mua lại cơ sở hạ tầng của DMC	9,87
+ Dự án 3 trạm phân phối khí trung tâm: Lắp đặt đường ống từ PRU của các khách hàng cũ cấp khí cho các khách hàng Perfetty, Asama, AFI, American Standard	12,49
+ Mua lại 03 bồn CNG 40ft của Gas City	26,41
- Chuyển tiếp thực hiện trong năm 2013	28,01
- Nguồn vốn không thực hiện theo kế hoạch	71,99



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	705.274	623.732	-11,56%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	731.819	801.188	9,48%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	231.021	135.541	-41,33%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-4.115	-3.307	19,64%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	226.905	132.235	-41,72%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	203.449	117.926	-42,04%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	70%	35%	-50,00%

Trong các năm qua, CNG VIETNAM đã không ngừng tăng trưởng và phát triển vượt bậc không chỉ về doanh thu và lợi nhuận mà còn về quy mô vốn và tài sản nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời cho nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh sản xuất ngày càng lớn của Công ty. Tuy nhiên ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và các khó khăn của nền kinh tế trong nước đã làm giảm tốc độ tăng lợi nhuận của công ty trong năm 2012 so với các năm về trước. Cụ thể, trong năm 2012, tốc độ tăng của doanh thu vẫn được duy trì đạt tỷ lệ tăng 9,48% so với năm 2011, tuy nhiên tốc độ tăng của tài sản và hầu hết các chỉ tiêu lợi nhuận đều giảm

là do cơ cấu các chi phí chính trong quá trình hoạt động đã tăng trong năm 2012.

Nguyên vật liệu chính để sản xuất CNG là khí đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán. Do đó, biến động của giá khí đầu vào đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá khí đầu vào tăng nhưng giá bán không thể tăng ở mức tương ứng. Giá khí đầu vào trung bình năm 2012 tăng hơn 28% so với cùng kỳ nên tỷ suất lợi nhuận gộp của CNG VIETNAM đã bị ảnh hưởng đáng kể.

Thêm vào đó, năm 2012 CNG VIETNAM đã đầu tư thêm máy móc thiết bị và tiếp tục áp dụng chính sách khấu hao

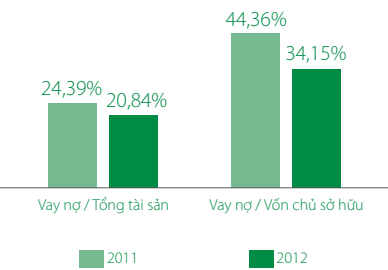
nhANH VỚI thời gian khấu hao là 3 năm, đã làm cho chi phí khấu hao trong năm tăng lên gấp 1,45 lần so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng 37,81 tỷ đồng.

Các chỉ số tài chính quan trọng

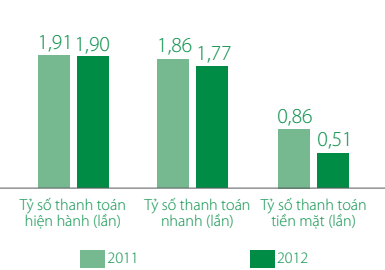
1. Khả năng thanh toán

Với năng lực tài chính lành mạnh và được kiểm soát tốt, CNG VIETNAM luôn đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn được duy trì ở mức an toàn qua các năm. Cụ thể, tỷ suất thể hiện khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh bình quân của Công ty trong 2011 và 2012 hầu như không thay đổi và lớn hơn 1.

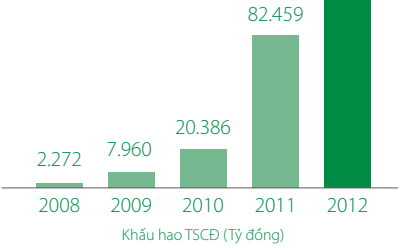
Cơ cấu vốn tại CNG VIETNAM



Khả năng thanh toán CNG VIETNAM



Chi phí khấu hao tại CNG VIETNAM



2. Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu nợ/tổng tài sản giảm từ 24,39% năm 2011 xuống còn 20,84% năm 2012, chỉ tiêu nợ/vốn chủ sở hữu đã giảm mạnh từ 44,36% năm 2011 xuống còn 34,15% năm 2012. Đây là điểm sáng trong năm 2012 giúp cho tỷ trọng chi phí tài chính so với doanh thu thuần giảm mạnh so cùng kỳ năm 2011.

3. Tỷ số hoạt động năm 2012

Vòng quay hàng tồn kho: Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh là cung cấp khí CNG cho các hộ tiêu thụ tại các Khu công nghiệp từ đường ống dẫn khí và các xe vận chuyển chuyên dụng cho khách hàng đã đăng ký sử dụng trước, công tác dự trữ lượng khí tồn kho của Công ty luôn được tính toán và cập nhật kịp thời bằng hệ thống tính toán hiện đại, vì vậy lượng khí CNG tồn kho của Công ty là khá thấp.

Vòng quay khoản phải thu đạt 65,77 ngày, tăng 12,08 ngày so với năm 2011. Điều này do tác động chính sách nới lỏng tín dụng nhằm một phần chia sẻ gánh nặng với các

khách hàng lớn tại CNG VIETNAM trong giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế. Tuy kéo dài thời gian thu hồi nợ nhưng chính sách này đã đóng góp vào sự gia tăng doanh số của năm nay. Đồng thời, Công ty vẫn giữ mức ổn định qua các năm thể hiện công tác thu hồi nợ hiệu quả, tránh nợ xấu và duy trì sự ổn định trong hoạt động của CNG VIETNAM.

Vòng quay khoản phải trả tăng nhẹ 1,36 ngày do CNG VIETNAM vẫn luôn cố gắng duy trì dòng tiền nhằm đảm bảo tiến độ thanh toán cho nhà cung cấp.

» Với sự nỗ lực kiểm soát chi phí, tận dụng tối đa hóa nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, máy móc thiết

bị, hiệu suất sử dụng tài sản của CNG VIETNAM vẫn đạt hiệu quả cao và duy trì ổn định. Trong năm 2012, vòng quay tài sản của CNG VIETNAM mặc dù có giảm nhẹ so với năm 2011 nhưng tốc độ tăng tài sản vẫn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu là 11,56%.

4. Khả năng sinh lời

Tỷ suất sinh lời trong năm 2012 có phần giảm sút so với năm 2011 do tốc độ tăng trưởng doanh thu, tổng tài sản, và vốn chủ sở hữu đều cao hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2012, nhưng các chỉ số ROA và ROE của CNG VIETNAM năm 2012 vẫn được duy trì ở mức cao như năm 2011.

Tỷ số hoạt động CNG VIETNAM

Hiệu quả hoạt động	2011	2012
Vòng quay hàng tồn kho (ngày)	5,93	9,33
Vòng quay khoản phải thu (ngày)	53,69	65,77
Vòng quay khoản phải trả (ngày)	111,73	113,09
Vòng quay tổng tài sản (lần)	1,37	1,21
Khả năng trả lãi vay (lần)	9,71	6,65

khai thác và vận hành năng lượng sạch



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 tình hình kinh tế xã hội của cả nước gặp rất nhiều khó khăn đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động SXKD của hầu hết các doanh nghiệp trong nước. Đối với thị trường tiêu thụ khí CNG mà các khách hàng chủ yếu hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng (thủy tinh công nghiệp, sắt thép, gạch men...), là ngành tiêu thụ một lượng lớn điện và nhiệt cho sản xuất cũng bị ảnh hưởng theo.

Năm 2012, cũng là năm Công ty cổ phần CNG Việt Nam vừa sản xuất, vừa tiếp tục đầu tư mở rộng để đa dạng hóa mô hình kinh doanh và phương thức bán hàng, cụ thể: cung cấp khí đối với các khách hàng ở xa, khách hàng tự đầu tư phương tiện vận chuyển, thiết bị nhận khí, phát triển trạm phân phối khí trung tâm trong các KCN tập trung. Trong tình hình đó, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, CNG VIETNAM đã tận dụng được những cơ hội hợp lý và xác định tương đối chính xác diễn biến

của thị trường cũng như những khó khăn để đưa ra những quyết sách phát triển phù hợp nên các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2012 đề ra đều hoàn thành.

Tổng doanh thu của CNG VIETNAM năm 2012 đạt 801,19 tỷ đồng, tăng 7,12% so với năm 2011 chủ yếu do:
- Đưa vào cấp khí thêm cho 09 khách hàng mới so với đầu năm, nâng tổng sản lượng cung cấp trong năm 2012 là 53 triệu m³.

Kết quả kinh doanh năm 2012

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2012			Năm 2011	
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ KH/TH (%)	Thực hiện	Tỷ lệ 2012/2011 (%)
1	Sản lượng khí tiêu thụ	SM3	53.000.000	53.052.649	100,10%	53.610.106	98,96%
		MMBTU	2.135.014	2.137.135	100,10%	2.152.956	99,27%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	800	822,36	102,80%	747,94	107,12%
3	Chi phí	Tỷ đồng	671	690,12	102,85%	521,03	132,45%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	129	132,23	102,51%	226,91	58,28%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	13	14,31	110,06%	23,46	60,99%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	116	117,93	101,66%	203,45	57,96%

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

» Từ khi thành lập đến nay, hoạt động sản xuất và chiết nạp khí nén thiên nhiên CNG là hoạt động cốt lõi của Công ty, phục vụ cho các khách hàng là các hộ tiêu thụ công nghiệp. Với đội ngũ quản lý và công nhân lành nghề, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty đã ngày càng tạo được uy tín với khách hàng, từ đó mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Công ty. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG VIETNAM đều đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2012.

» Hoàn thành việc tăng vốn theo ESOP từ 203,12 tỷ đồng lên 213,28 tỷ đồng.

» Hoàn thành việc đầu tư mở rộng dự án CNG Phú Mỹ cấp khí cho các khách hàng thuộc khu vực miền Đông Nam bộ.

» Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh và giảm chi phí đầu tư, CNG VIETNAM đã và đang thực hiện đa dạng hóa mô hình kinh doanh và phương thức bán hàng, cụ thể:

» Trong năm 2012, CNG VIETNAM đã chủ động tìm kiếm các giải pháp thu hút thêm những khách hàng mới để bù đắp cho phần sản lượng bị suy giảm trong năm do khó khăn của nền kinh tế. CNG đã đầu tư 03 trạm giảm áp trung tâm cung cấp khí bằng đường ống cho các khách hàng trong khu công nghiệp. Việc này đã giúp CNG giảm được chi phí đầu tư, thu hút thêm khách hàng, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tính đến thời điểm 31/12/2012, tăng thêm 09 khách hàng nhận khí so với đầu năm.

623.732 TỶ ĐỒNG
TỔNG NGUỒN VỐN TẠI CNG VIETNAM NĂM 2012

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn tại CNG VIETNAM qua các năm

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	29.804	68.495	182.823	396.382	316.417
Tiền và tương đương tiền	14.590	36.054	92.715	179.294	85.305
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	10.000	7.000	6.100	62.550	55.100
Phải thu ngắn hạn	4.013	24.968	78.715	136.600	152.125
Hàng tồn kho, ròng	169	372	4.802	10.006	21.500
Tài sản ngắn hạn khác	1.033	101	491	7.933	2.387
TÀI SẢN DÀI HẠN	67.616	105.392	176.754	308.892	307.315
Phải thu dài hạn					
Tài sản cố định	66.223	104.475	176.518	292.344	225.198
Giá trị ròng tài sản đầu tư					
Đầu tư dài hạn					60.000
Lợi thế thương mại					
Các tài sản dài hạn khác	1.393	918	236	16.548	22.117
TỔNG TÀI SẢN	97.421	173.887	359.576	705.274	623.732
NỢ PHẢI TRẢ	36.382	100.617	126.400	317.510	243.165
Nợ ngắn hạn	14.700	50.566	86.701	207.355	166.426
Vay ngắn hạn		24.233	31.054	61.947	60.184
Phải trả người bán	8.363	20.336	37.971	103.072	91.396
Phải trả ngắn hạn khác	6.337	5.997	17.676	42.336	14.846
Nợ dài hạn	21.557	49.976	39.625	110.079	76.740
Vay dài hạn	21.557	49.976	37.625	110.079	69.785
Quỹ phát triển khoa học công nghệ			2.000		6.954
VỐN CHỦ SỞ HỮU	61.039	73.271	233.177	387.764	380.567
Vốn điều lệ	67.200	67.200	125.000	203.120	213.276
Thặng dư vốn cổ phần			1.696	1.696	1.696
Quỹ đầu tư phát triển				12.486	43.003
Quỹ dự phòng tài chính			610	11.141	21.313
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					10.172
Lãi chưa phân phối	-6.161	6.071	105.871	159.321	91.106
TỔNG NGUỒN VỐN	97.421	173.887	359.576	705.274	623.732

tỷ đồng. Trong đó tài sản cố định theo nguyên giá tăng thêm 48,98 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tăng mạnh phần máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ cho nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nguồn vốn

Tổng nợ phải trả của CNG VIETNAM đã giảm đáng kể từ 317,51 tỷ đồng xuống còn 243,16 tỷ đồng chủ yếu là do các khoản nợ dài hạn của CNG VIETNAM đã giảm 40,29 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nợ vay dài hạn đến cuối năm 2012 là 59,90 tỷ đồng so với cùng kỳ là 89,63 tỷ đồng. Việc nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu cũng như tổng nợ trên tổng tài sản chiếm một tỷ lệ nhỏ cho thấy Công ty có khả năng tài chính mạnh, ít phụ thuộc vào vốn vay.

Tính đến ngày 31/12/2012, nợ ngắn hạn trong kỳ của CNG VIETNAM đã giảm từ 207,35 tỷ đồng xuống còn 166,42 tỷ đồng, trong đó việc giảm nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ các khoản phải trả người bán.

Tính đến cuối năm 2012, nguồn vốn chủ sở hữu của CNG VIETNAM vẫn giữ ổn định so với thời điểm cùng kỳ năm trước, chủ yếu xuất phát từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty đều duy trì ổn định ở mức cao.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để đạt được kết quả SXKD trong năm 2012, HĐQT và Ban TGD đã có hướng đi

đúng đắn trong chiến lược SXKD cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, phù hợp với từng thời kỳ phát triển của Công ty. Cụ thể:

- » Bộ máy tổ chức của Công ty có đầy đủ các bộ phận chức năng gồm 5 Ban và 1 Nhà máy CNG Phú Mỹ. Các Ban, Nhà máy được giao kế hoạch hàng năm dưới sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc.
- » Thiết lập cơ chế quản lý phân nhiệm, hoàn thiện các quy chế, chuẩn mực quản trị công ty phù hợp với mô hình Công ty cổ phần. Điều này tạo được cơ cấu quản lý chặt chẽ, linh động và hiệu quả trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Công ty xây dựng đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản, làm việc chuyên nghiệp và liên tục được cập nhật, đào tạo, nâng cao kiến thức và trình độ.
- » Để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của khách hàng, Công ty đã không ngừng cải tiến trang thiết bị, máy móc, kỹ thuật. Hiện các bồn chuyên dụng, chuyên chở và máy nén CNG được Công ty nhập khẩu từ các đối tác có trình độ kỹ thuật cao như châu Âu, Hoa Kỳ, Canada. Bên cạnh đó, phát triển và cải tiến Nhà máy CNG Phú Mỹ để nâng công suất lên 100 triệu m³ khí/năm.

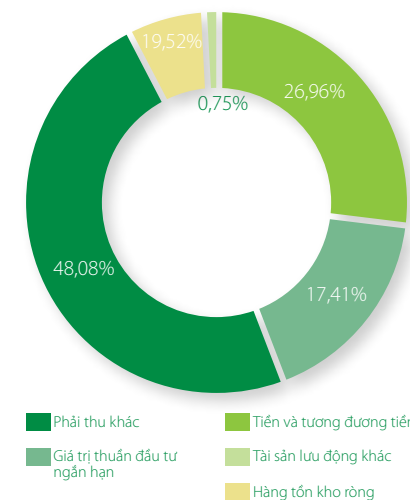
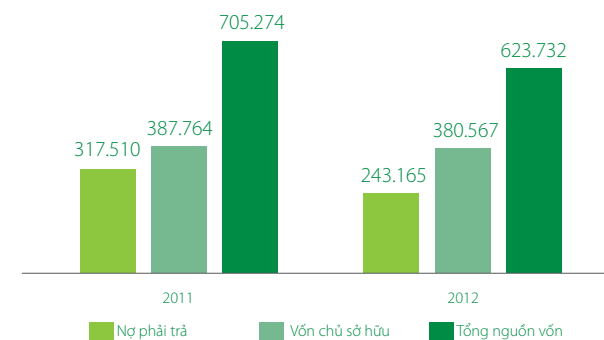
Tài sản

Kết thúc năm 2012, Công ty có tổng tài sản khoảng 623 tỷ đồng, giảm 82,07 tỷ đồng, tương ứng giảm 11,64% so với năm 2011. Quy mô tổng tài sản trong năm ít biến động nhưng cơ cấu tài sản có đã sự thay đổi, tài sản ngắn hạn giảm từ 396 tỷ đồng xuống 315 tỷ đồng là do tiền và các khoản tương đương tiền giảm từ 179,29 tỷ đồng xuống còn 85,03 tỷ đồng, là kết quả của việc đầu tư tài sản cố định trong năm tăng thêm gần 49 tỷ đồng và việc tạm ứng cổ tức 15% đợt 1 vào ngày 09/11/2012 cho cổ đông hiện hữu, tương ứng với gần 32 tỷ đồng. Tuy nhiên, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 85 tỷ đồng và đảm bảo cân đối tài chính chắc chắn cho Công ty và là nguồn dự trữ để triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch năm 2013.

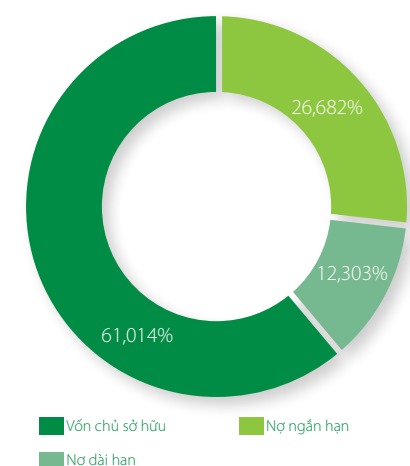
Tài sản dài hạn của CNG VIETNAM tính đến ngày 31/12/2012 đạt 307,31

316.417 TỶ ĐỒNG
TÀI SẢN NGẮN HẠN TẠI CNG VIETNAM NĂM 2012

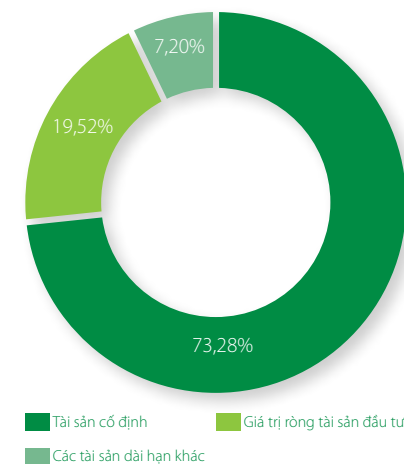
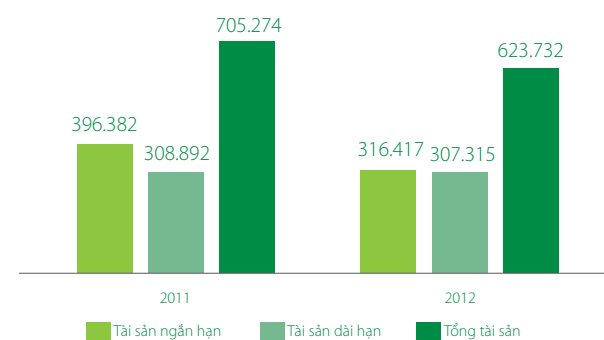
Cơ cấu nguồn vốn trong 2011-2012 của CNG VIETNAM ĐVT: Tỷ đồng



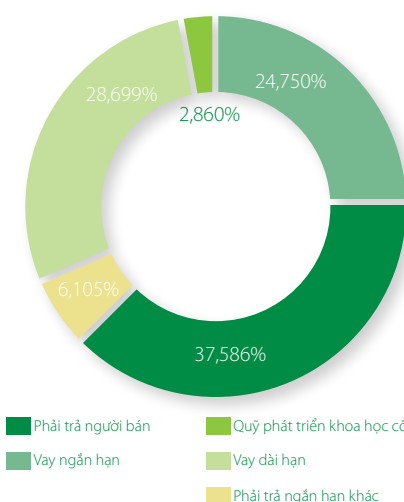
Cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2012



Cơ cấu tài sản trong 2011-2012 của CNG VIETNAM ĐVT: Tỷ đồng



Cơ cấu tài sản dài hạn năm 2012



885,73 TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU NĂM 2013

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- » Xây dựng CNG VIETNAM trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- » Phát triển CNG VIETNAM theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG.
- » Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỷ luật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng thương hiệu CNG VIETNAM và văn hóa doanh nghiệp:

- » Xây dựng chiến lược Marketing ngắn hạn và dài hạn phù hợp với lộ trình phát triển nhằm quảng bá sâu rộng thương hiệu CNG VIETNAM. Từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng quảng cáo, xúc tiến bán hàng.
- » Tiếp thị và mở rộng thị trường kinh doanh trên toàn quốc. Xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác để hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển.

Nâng cao năng lực cung ứng:

- » Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn khí tại nhà máy CNG Phú Mỹ để phát triển thị trường CNG.
- » Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LNG qui mô nhỏ (30 triệu m³/năm) và đưa vào hoạt động từ năm 2015.

Đầu tư mở rộng nhà máy CNG Phú Mỹ: Tiếp tục nâng công suất nhà máy lên 100 Triệu m³/năm vào năm 2013.

Nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng:

- » Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, hoạch định chiến lược nhân sự để tổ chức tuyển dụng, đào tạo theo lộ trình hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng của Công ty trong từng thời kỳ. Đặc biệt chú ý về lĩnh vực Marketing và nghiên cứu phát triển.
- » Nhanh chóng triển khai tự động hóa, điện tử hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, giám sát chặt các khâu, các lĩnh vực quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu và nhân công, tăng cường năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- » Liên doanh, liên kết với các đối tác có uy tín để nghiên cứu, lựa chọn, áp dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và ưu việt trong các lĩnh vực hoạt động.

Xây dựng kế hoạch hình thành và phát triển đơn vị dịch vụ với:

- » Trang thiết bị bao gồm nhà xưởng và thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại.
- » Đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, chuyên nghiệp.
- » Phát triển hệ thống vận chuyển chuyên nghiệp, cung cấp dịch vụ vận chuyển.

- » Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, tiếp thị về CNG/LNG.
- » Quan hệ khách hàng tốt, tạo được niềm tin của khách hàng.
- » Hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, quản lý sử dụng CNG/LNG trong sản xuất.
- » Áp dụng mức giá bán thâm nhập linh hoạt đối với từng thị trường, từng thời điểm.
- » Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các mục tiêu của Công ty đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- » CNG VIETNAM là Công ty đầu tiên hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh khí nén thiên nhiên, luôn nhận thức được tầm quan trọng và chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.
- » Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường.
- » Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- » Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.

KẾ HOẠCH NĂM 2013

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2013:
Tổng sản lượng: **60** triệu m³
Tổng doanh thu: **885,73** tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế: **133,96** tỷ đồng
Nộp Ngân sách: **14** tỷ đồng
Đầu tư phát triển: **57,70** tỷ đồng
Cổ tức: **35%**

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2013 Năm 2013 Công ty vẫn tiếp tục thực hiện một số dự án theo kế hoạch đầu tư giai đoạn 2010 - 2012, chi tiết:

- » CNG VIETNAM sẽ tiếp tục thực hiện "Dự án trạm giảm áp trung tâm để cấp khí bằng đường ống" thông qua việc đầu tư thêm 3 trạm trong năm 2013 với tổng mức đầu tư là 41 tỷ đồng.
- » Nhà văn phòng (kết hợp với PVGas D và PVGas South).
- » Dự án phân phối LNG.

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Giải pháp về sản xuất, vận chuyển

- » Chuẩn bị vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ đầy đủ cho công tác sản xuất và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.
- » Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển phù hợp với quy định của nhà sản xuất và kế hoạch BDSC.
- » Phối hợp chặt chẽ với PVGas, PVGas D, PVGas South để đảm bảo nguồn khí cấp ổn định cho khách hàng.

Giải pháp về an toàn

- » Cải tiến và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 vào quá trình SXKD của Công ty.
- » Cán bộ an toàn duy trì và phát huy việc thường xuyên có mặt tại khu vực sản xuất để đôn đốc, nhắc nhở người lao động thực hiện đúng các quy định về ATLĐ, ATGT, PCCN và thường xuyên thực hiện công tác huấn luyện an toàn, diễn tập PC CN.
- » Chú trọng công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường nhằm không để xảy ra tai nạn, sự cố trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối CNG. Quyết liệt xử lý và loại bỏ các tình trạng, điều kiện mất an toàn.
- » Hoàn thành kế hoạch bảo hộ lao động năm 2012.

Giải pháp về thị trường

- » Đảm bảo thực hiện dịch vụ tốt nhất nhằm thỏa mãn nhu cầu của các khách hàng hiện tại gây hiệu ứng trong việc phát triển khách hàng mới.
- » Tập trung vào thị trường là các khách hàng nhỏ lẻ để phục vụ dự án cấp khí qua trạm trung tâm.
- » Phát triển thị trường khí theo hướng đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG nhằm đảm bảo sự ổn

định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

Giải pháp về tài chính

- » Tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo minh bạch và hiệu quả trong quản lý tài chính.
- » Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ của khách hàng.

Giải pháp về đầu tư xây dựng

- » Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo dự án được triển khai và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.
- » Tuân thủ, cập nhật kịp thời các quy định pháp luật trong đầu tư xây dựng.
- » Theo dõi, đôn đốc và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản.

Giải pháp về nhân sự

- » Xây dựng kế hoạch đào tạo có trọng điểm, tổ chức đào tạo, đào tạo lại và đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao trình độ tay nghề của CBCNV.
- » Thường xuyên rà soát nhân sự trong công ty để bố trí, luân chuyển nội bộ nhằm phát huy khả năng của người lao động và hạn chế tuyển dụng mới.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2012

Kết quả kinh doanh năm 2012

Năm 2012 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành kinh doanh khí CNG nói riêng. Khủng hoảng của kinh tế toàn cầu đặc biệt diễn ra ở những quốc gia có nền kinh tế phát triển như Châu Âu, Mỹ, Nhật... sự tăng giá liên tục của các loại hàng hóa cơ bản, biến động của các tài sản tài chính như chứng khoán, ngân hàng, bất động sản... đã có những tác động mạnh mẽ tới sự ổn định của nền kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh doanh trong nước rất khó khăn, hàm

chứa nhiều rủi ro với tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay vẫn đang ở mức cao, sản xuất đình trệ, nhiều doanh nghiệp bên bờ vực phá sản. Đối với hầu hết các khách hàng sử dụng khí CNG đều giảm sản xuất do lượng hàng tồn kho lớn không tiêu thụ được trong khi giá nhiên liệu liên tục tăng cao nên sản lượng sử dụng khí CNG giảm mạnh, các khách hàng sản xuất thép giảm khoảng 25% sản lượng, gạch men, gốm sứ giảm hơn 15% sản lượng so với cùng kỳ năm 2011, một số khách hàng chấm dứt hợp đồng để chuyển sang sử dụng nhiên liệu giá rẻ hơn. Điều này, gây bất lợi không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong đó có CNG VIETNAM.

Mặc dù kinh tế trong nước và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, Hội đồng quản trị Công ty đã luôn luôn giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời chủ động nghiên cứu các biến động của thị trường để đưa ra những định hướng chỉ đạo sâu sát nên kết quả đạt được của năm 2012 của CNG VIETNAM rất khả quan.

Công tác an toàn

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển, phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí, CNG Việt Nam nhận diện kịp thời các rủi ro nguy cơ về cháy nổ nên Công ty đã triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản

lý an toàn, sức khỏe, môi trường và chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO: 14001:2004 và đã được BSI (Viện tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào tháng 7/2010. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều tuân thủ theo Hệ thống Quản lý ATCLMT. Hệ thống được quản lý, giám sát và không ngừng được cải tiến. Hàng năm, Công ty tổ chức ít nhất là 02 đợt kiểm tra về An toàn - Chất lượng - Môi trường và Đánh giá nội bộ, đồng thời tổ chức

hợp xem xét của Lãnh đạo Công ty về Hệ thống. Ngoài ra, định kỳ hàng năm, BSI tiến hành kiểm tra và đánh giá lại Hệ thống để tư vấn cải tiến và gia hạn Chứng chỉ cho Công ty.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2012, trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện mua lại tài sản của DMC tại Phú Mỹ, mua 03 bồn CNG, 40ft của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị, quyết toán dự án hoàn thành - Dự án CNG VIETNAM. Kết quả là đầu tư của Công ty được thực hiện theo đúng kế hoạch. Tổng mức đầu tư năm 2012 đạt 73,34 tỷ đồng.

Công tác quản lý tài chính

Năm 2012, bộ phận tài chính kế toán đã tham mưu cho Ban Điều hành triển khai tốt các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, xây dựng nhiều giải pháp để thu tiền hàng, đối chiếu công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối hợp lý nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD có hiệu quả. Tuy nhiên, để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, Hội đồng Quản trị yêu cầu công tác tài chính cần chú trọng những vấn đề sau:

- » Liên tục thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: Công tác thu hồi công nợ cần được quan tâm sâu sát hơn nữa, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, khống chế công nợ. Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.
- » Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị để khai thác và tận dụng hiệu quả các nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD.

- » Thực hiện việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty.

Công tác tổ chức và nhân sự

- » Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh

bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- » Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hơn 169 lao động, tăng quỹ lương và mức bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước.

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

- » Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành.

- » Mặc dù kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nhưng Ban TGD đã hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Kế hoạch và định hướng

- » Xây dựng và phát triển Công ty CP CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp khí CNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG trên thị trường.

- » Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành một thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.

- » Tiếp tục đầu tư và mở rộng thị trường ra khu vực phía Bắc.

- » Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.

- » Đa dạng hóa nguồn vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau có hiệu quả.

- » Xây dựng chiến lược nhân sự trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn.



tận hưởng những
**công nghệ
cuộc sống**





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị:

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên trong

đó 1 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, 2 thành viên không điều hành và trong năm 2012, HĐQT đã miễn nhiệm ông Nguyễn Đăng Trình và bổ nhiệm

bà Lê Thị Thu Giang giữ chức thành viên HĐQT chuyên trách. Số lượng nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT đến ngày 07/01/2013 tại CNG VIETNAM như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	CP nắm giữ cá nhân	Tổng CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	4.000.000	44.250	4.044.250	18,96%	Điều hành
2	Ông Đặng Văn Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	3.000.000	44.242	3.044.242	14,27%	Điều hành
3	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT	4.000.000	9.750	4.009.750	18,80%	Không điều hành
4	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT	3.695.029	639.300	4.334.329	20,33%	Không điều hành
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT	1.256.796	58.915	1.315.711	6,17%	Điều hành

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2012:

Căn cứ vào Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình kinh doanh

thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 1 phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 01 lần xin ý kiến cổ đông bằng văn bản 4 phiên họp HĐQT thường kỳ và

nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2012, cụ thể như sau:

Các nghị quyết và quyết định của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2012

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ- HĐQT	6/01/2012	Phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011
2	09/QĐ-CNG	16/01/2012	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012
3	02/NQ-HĐQT/2012	19/01/2012	Hủy lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh tỉ lệ chia cổ tức năm 2011
4	26/QĐ-CNG	9/02/2012	Phê duyệt quy chế về chế độ công tác phí trong nước (sửa Lần 2)
5	33/QĐ-CNG	21/02/2012	Phê duyệt bộ định mức kinh tế kỹ thuật cho vận hành, bảo dưỡng, an toàn của CNG Việt Nam
6	37/QĐ-CNG	23/02/2012	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu gói thầu lắp đặt 06 bồn lên 06 mooc
7	38/QĐ-CNG	23/02/2012	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu gói thầu lắp đặt 14 bồn lên 14 mooc
8	03/NQ-HĐQT/2012	27/02/2012	Nghị quyết HĐQT ngày 27/02/2012
9	60/QĐ-CNG	6/03/2012	Phê duyệt bộ hồ sơ niêm yết bổ sung cổ phiếu
10	68/QĐ-CNG	15/03/2012	Phê duyệt Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011
11	05/NQ-HĐQT/2012	11/04/2012	Phê duyệt chi trả 45% cổ tức còn lại năm 2011 bằng tiền mặt
12	107/QĐ - CNG	25/04/2012	Phê duyệt quyết toán gói thầu EPC
13	135/QĐ - CNG	16/05/2012	Phê duyệt mua lại tài sản của DMC tại Phú Mỹ
14	143/QĐ-CNG	28/05/2012	Phê duyệt quy trình CBTT theo TT 52/2012/TT-BTC
15	06/NQ-HĐQT/2012	29/06/2012	Nghị quyết HĐQT ngày 29/06/2012
16	225/QĐ - CNG	17/08/2012	Phê duyệt điều chỉnh mức nhiên liệu cho xe đầu kéo Nissan UD sau khi lắp đặt lại thiết bị chuyển đổi sử dụng nhiên liệu Diesel và CNG
17	07/NQ-HĐQT/2012	28/09/2012	Nghị quyết họp HĐQT định kỳ ngày 28/09/2012 về kế hoạch SXKD, tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012
18	279/QĐ-CNG	12/10/2012	Phê duyệt đầu tư bổ sung 3 bồn CNG, 40ft năm 2012
19	283/QĐ-CNG	22/10/2012	Phê duyệt mua 03 bồn CNG, 40ft của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị
20	291/QĐ-CNG	8/11/2012	Phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương năm 2012 của Công ty
21	322/QĐ-CNG	19/12/2012	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án CNG Việt Nam
22	08/NQ-HĐQT/2012	20/12/2012	Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
23	324/QĐ-CNG	20/12/2012	Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Ngô Duy Trọng giữ chức Kế toán trưởng Công ty
24	325/QĐ-CNG	20/12/2012	Bổ nhiệm bà Lê Thị Thu Giang giữ chức thành viên HĐQT chuyên trách
25	09/NQ-HĐQT/2012	20/12/2012	Nghị quyết HĐQT về thông qua trích 10% lợi nhuận trước thuế năm 2012 để lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ
26	10/NQ-HĐQT/2012	21/12/2012	Nghị quyết họp HĐQT định kỳ ngày 21/12/2012 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành.

Các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành đều tham gia đầy đủ các kỳ họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT. Ngoài ra, các thành viên cũng xem xét và đóng góp ý kiến các vấn đề trong thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị chưa lập các tiểu ban do chưa phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị: Miễn nhiệm ông Nguyễn Đăng Trình, bổ nhiệm bà Lê Thị Thu Giang giữ chức thành viên HĐQT chuyên trách.

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Chưa có.

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Văn Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD
3	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT
4	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT
5	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

801,19 TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ cá nhân	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ngô An Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	100	0,00%	Kiểm nhiệm
2	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	9.100	0,04%	Chuyên trách
3	Đặng Quốc Vương	Thành viên Ban Kiểm soát	7.150	0,03%	Kiểm nhiệm

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- » Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, các quy định, quy chế, quy trình của Công ty.
- » Giám sát công tác điều hành, quản lý của HĐQT, TGD, kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực, mức độ cần trọng của các cán bộ quản lý trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- » Tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp do HĐQT, họp giao ban Công ty hàng tháng, thẩm định các Báo cáo kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm 2012, giám sát các hoạt động mua bán, đầu thầu.

Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

- » Công tác vận hành Nhà máy CNG Phú Mỹ được duy trì an toàn và đạt hiệu suất cao do Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường.

- » Công ty đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí và triển khai thực hiện trong toàn Công ty; Thực hiện cải tiến chính sách tiền lương và phân phối lương, thưởng theo hướng gắn với hiệu quả công việc.
- » Ngày 20/3/2012 thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- » Thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 là 1.500 đồng/cổ phần theo phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông năm 2012 thông qua.
- » Kết thúc năm 2012, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, một số chỉ tiêu tài chính cụ thể như sau:

- ❖ Tổng doanh thu: 801,19 tỷ đồng Đạt 100,15% kế hoạch năm
- ❖ Tổng lợi nhuận trước thuế: 132,23 tỷ đồng Đạt 102,51% kế hoạch năm
- ❖ Tổng lợi nhuận sau thuế: 117,93 tỷ đồng Đạt 101,66% kế hoạch năm

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- » Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng suy thoái kinh tế, nhưng với sự quyết tâm cao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có những quyết sách hết sức năng động, nhạy bén, sáng suốt để đưa Công ty vượt qua những khó khăn, tạo nên sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2012.
- » Mặt khác, các quyết định trong quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã thể hiện sự cần trọng cần thiết, hạn chế rủi ro, coi trọng tính hiệu quả, đã đưa Công ty phát triển đúng hướng trong chiến lược phát triển chung, luôn đảm bảo tuân thủ Pháp luật Nhà nước.
- » Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty đã tuân thủ theo đúng của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- » Trong năm 2012, Ban lãnh đạo Công ty đã ban hành và hoàn thiện



quy chế quản lý; Tăng cường kiểm tra và chấn chỉnh việc tuân thủ các quy chế ban hành.

- » Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: Công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi. Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.
- » Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2012:

Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2012 của Công ty; Tuân thủ theo chế độ và chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012; Ban Kiểm soát nhất trí với các ý kiến của công ty kiểm toán. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 đã vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2013 như sau:

- » Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị Công ty.
- » Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- » Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- » Xem xét thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- » Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị, với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.
- » Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

21.327.638
CỔ PHIẾU
TỔNG SỐ CỔ PHẦN

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo Chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG VIETNAM. Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế áp dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	919.091.367	Chuyên trách
2	Ông Đặng Văn Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	864.892.722	Kiểm nhiệm
3	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT	61.000.000	Kiểm nhiệm
4	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT	61.000.000	Kiểm nhiệm
5	Ông Nguyễn Đăng Trình	Thành viên HĐQT	53.708.333	Thời giữ chức TV. HĐQT từ ngày 20/12/2012
6	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT	14.013.273	Bổ nhiệm TV. HĐQT chuyên trách từ ngày 20/12/2012

ĐVT: đồng

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Ngô An Hòa	Trưởng BKS	40.625.000	Kiểm nhiệm
2	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	433.018.924	Chuyên trách
3	Ông Đặng Quốc Vương	Thành viên BKS	34.000.000	Kiểm nhiệm

ĐVT: đồng

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Đặng Văn Vinh	Tổng giám đốc		Như trên
2	Ông Trần Quang Dân	Phó TGD	741.891.784	
3	Ông Bùi Văn Đản	Phó TGD	730.535.342	
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó TGD	664.670.770	
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Kế toán trưởng	650.821.168	Thời giữ chức KTT từ 20/12/2012
6	Ông Ngô Duy Trọng	Kế toán trưởng	18.039.182	Bổ nhiệm KTT từ 20/12/2012

ĐVT: đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

Tên cổ đông	Chức vụ/Liên quan	Giao dịch (Mua/Bán)	Số lượng CP đã giao dịch	Thời gian thực hiện
Hội đồng Quản trị				
Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT	BÁN	22.250 cổ phần	13/08/2012 - 12/09/2012
Ban Kiểm soát				
Nguyễn Văn Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát	BÁN	5.680 cổ phần	27/08/2012 - 26/09/2012
Đặng Quốc Vương	Thành viên Ban Kiểm soát	BÁN	4.460 cổ phần	03/12/2012 - 02/01/2013
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng				
Bùi Văn Đản	Phó Tổng Giám đốc	BÁN	13.750 cổ phần	28/11/2012 - 28/12/2012
Lê Thị Thu Giang	Kế toán trưởng	BÁN	3.000 cổ phần	19/09/2012 - 19/10/2012
Tổ chức có liên quan đến cổ đông nội bộ				
IEV Energy Sdn.Bhd	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	MUA	8.000 cổ phần.	02/07/2012 - 02/08/2012

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ phần:

- » Tổng số cổ phần: 21.327.638 CP
- » Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- » Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 3.281.179 CP
- » Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.046.459 CP
- » Cam kết của người sở hữu: Năm giữ 100% số lượng CP trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết & 50% số CP trong vòng 6 tháng tiếp theo. Đến thời điểm hiện tại đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng theo quy định. Tuy nhiên, cổ đông IEV Energy, IEV Group & Christopher Nghĩa Đỗ chưa điều chỉnh thông tin.

Cơ cấu Cổ đông:

- Phân theo cổ đông trong nước và nước ngoài:

Chỉ tiêu	Trong nước (cổ phần)	Nước ngoài (cổ phần)	Tổng (cổ phần)
Cá nhân	3.909.471	799.380	4.708.851
Tổ chức	12.327.528	4.291.259	16.618.787
Tổng	16.236.999	5.090.639	21.327.638

- Phân theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

Tên cổ đông	Vốn cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ
1. Công Ty Cổ Phần Kinh doanh Khí Hoà Lồng Miền Nam.	12.256.796	57,47%
2. IEV Group Sdn. Bhd.	2.773.679	13,01%
Tổng		70,48%

- Phân theo cổ đông nhỏ (dưới 5%)

Tên cổ đông	Vốn cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ
1. IEV Energy Sdn.Bhd	921.350	4,31%
2. Khác	5.375.813	25,21%
Tổng		29,52%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 20/3/2012, Công ty thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với tổng số cổ phần đã phân phối là 1.015.600 CP tương đương với số tiền là 10.156.000.000đ. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng tương ứng từ 203.120.380.000đ lên 213.276.380.000đ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

213
TỶ ĐỒNG
VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

QUẢN TRỊ RỦI RO

BẢN CHẤT

Rủi ro về giá nguyên vật liệu: Nhu cầu khí thiên nhiên tăng cao trong những năm tới trong khi sản lượng sản xuất của PVGas không đủ cung ứng cho thị trường nên dự kiến PVGas sẽ gia tăng giá bán khí cho CNG do phải nhập khẩu khí thiên nhiên. Việc phụ thuộc vào nguồn khí từ PVGas có thể khiến CNG VIETNAM gia tăng chi phí nguyên liệu đầu vào trong khi giá đầu ra có thể không tăng bằng giá khí đầu vào do công ty đang trong quá trình mở rộng khách hàng.

Rủi ro về khách hàng: Hiện tại, khí CNG được sử dụng bởi một số khách hàng thuộc các Khu công nghiệp tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, TP. HCM. Khách hàng có thể ngưng sử dụng khí CNG do nguyên nhân khách quan như: Suy thoái, thay đổi chiến lược sử dụng nhiên liệu làm giảm sản lượng tiêu thụ của công ty. Bên cạnh đó, hầu hết các phương tiện vận tải hiện nay đều sử dụng xăng hoặc diesel làm nhiên liệu. Do đó, nếu chuyển sang sử dụng CNG cần một thời gian để đầu tư và thử nghiệm trong môi trường giao thông tại Việt Nam.

Rủi ro dự án: Việc đầu tư các trạm giảm áp cho khách hàng mới, đầu tư các Nhà máy nén khí cấp cho các khách hàng thuộc các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh,... tạo sự tăng trưởng cho CNG VIETNAM. Tuy nhiên, quá trình đầu tư này cũng tiềm ẩn rủi ro do một số khách hàng có thể không sử dụng trạm cung cấp khí mà CNG VIETNAM đã hoàn thành đầu tư xây dựng vì một số lý do khách quan nào đó, ví dụ như: Suy thoái kinh tế, khách hàng thay đổi chiến lược sử dụng nhiên liệu...

Rủi ro lãi suất: Nếu lãi suất biến động theo xu hướng tăng và rất khó dự báo như hiện nay sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch huy động vốn cũng như kế hoạch đầu tư, đồng thời ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Rủi ro khác: Những rủi ro như cháy nổ... có thể khiến công ty ngừng sản xuất trong một thời gian ảnh hưởng đến doanh thu và gia tăng chi phí cho công ty. Đây là rủi ro mà khả năng xảy ra đối với CNG VIETNAM cao hơn các doanh nghiệp khác do đặc thù của sản phẩm dễ gây cháy nổ.

BIỆN PHÁP HẠN CHẾ

Có chính sách giá linh hoạt để phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.

Phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả; Lựa chọn các khách hàng hoặc nhóm khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu m³/năm trở lên và khoảng cách nhỏ hơn 150 km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư. Xây dựng bản đồ quy hoạch khách hàng, xác định khách hàng mục tiêu trong ngắn hạn - trung hạn - dài hạn, bảo đảm sản lượng tiêu thụ bằng các thỏa thuận và hợp đồng mua bán khí.

Ràng buộc khách hàng ký kết các hợp đồng sử dụng khí dài hạn. Chuyển các trạm giảm áp đã đầu tư cho những khách hàng khác có nhu cầu. Tăng cường hiệu quả tiếp thị, quảng bá và lợi ích của khách hàng khi sử dụng các sản phẩm CNG/LNG.

Dư nợ vay và nhu cầu vốn của Công ty còn ít, nên rủi ro do lãi suất vay cao không ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro đặc thù này, CNG VIETNAM rất chú trọng trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu thiết kế, chế tạo, xây dựng đến vận hành, bảo dưỡng và phòng chống cháy nổ đảm bảo cho hệ thống cung cấp khí hoạt động liên tục.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

CNG Việt Nam luôn coi trọng công tác quan hệ với các nhà đầu tư :

Mọi thông tin về Quan hệ Nhà đầu tư, được đăng tải đầy đủ tại mục quan hệ cổ đông: <http://www.cng-vietnam.com/vi/quan-he-co-dong.html>

Công ty luôn đảm bảo thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn theo qui định. Website của Công ty còn thường xuyên đăng tải các thông tin quan

trọng liên quan đến hoạt động SXKD và các hoạt động khác.

Năm 2012, năm đầu tiên tham dự Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên, CNG VIETNAM đã được bình chọn vào top 50 Công ty có báo cáo thường niên tốt nhất. Đây là minh chứng cho sự minh bạch, trung thực của CNG VIETNAM đối với các nhà đầu tư và với các quy định công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK Tp. Hồ Chí Minh. Thành tích này là nguồn động viên khích lệ đối với những

người thực hiện để BCTN những năm tiếp theo có chất lượng tốt hơn.

Năm 2013, CNG VIETNAM tiếp tục chú trọng phát triển công tác quan hệ nhà đầu tư nhằm nâng cao chất lượng thông tin, mở rộng các kênh thông tin; Đảm bảo tính kịp thời, chính xác và đầy đủ trong công tác công bố thông tin đến cổ đông, khách hàng và các nhà đầu tư, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Công ty trên thị trường.



HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI



Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh và chăm lo đến đời sống của CBCNV, các hoạt động Xã hội - Từ thiện cũng luôn được Công ty đặc biệt trú trọng.

Nhân ngày Quốc tế Người cao tuổi 01/10/2012, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã trao quà cho 8 gia đình người cao tuổi gặp hoàn cảnh khó khăn, độc thân, không nơi nương tựa trên địa bàn Phường 9, TP. Vũng Tàu. Quà được trao trực tiếp cho người cao tuổi tại nơi cư trú với sự tham gia của đại diện Ban lãnh đạo UBND, Hội người cao tuổi Phường 9 và BCH Công đoàn, Đoàn

thanh niên Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Món quà tuy nhỏ (500.000 đồng/phần) nhưng đã thể hiện nghĩa cử cao đẹp, giúp người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích cho đời của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam.

Trong nhiều năm liên tục Công ty tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào, Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo, Ủng hộ đồng bào bị thiên tai bị bão lũ, Ủng hộ cho Hội chữ Thập đỏ. Trong năm 2012, hưởng ứng tinh thần "Uống nước nhớ nguồn"; "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"; Hướng tới kỷ niệm 65 năm Ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947

-27/7/2012), Ngày 26/7/2012, Đoàn Thanh niên Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã tổ chức viếng Nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm & thăm hỏi, tặng quà cho một số gia đình chính sách thuộc địa bàn xã Hòa Long, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ngoài ra, Công đoàn, Đoàn thanh niên Công ty và Hội phụ nữ thường xuyên tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa thể thao, đã đạt được một số thành tích đáng khích lệ, góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần cho CBCNV và tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong đại gia đình CNG VN.

bền vững
phát triển
thịnh vượng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Chirstoppher Đỗ Nghĩa	Thành viên
Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Trình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2012)
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2012)

Ban Giám đốc	
Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đán	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- » Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 2 năm 2013



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 22-36 Nguyễn Huệ,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số 0225 /Deloitte-AUDHCM-RE

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 2 năm 2013, từ trang 3 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 27 tháng 2 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

MẪU B 01-DN				
Đơn vị: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+140+150)	100		316.418.255.598	396.381.629.464
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	85.305.119.116	179.293.614.903
1. Tiền	111		17.305.119.116	7.844.958.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.000.000.000	171.448.655.980
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	55.100.000.000	62.550.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		55.100.000.000	63.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(550.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.125.223.262	136.599.511.989
1. Phải thu khách hàng	131		136.905.574.399	123.137.046.640
2. Trả trước cho người bán	132		1.497.061.113	244.886.750
3. Các khoản phải thu khác	135	7	14.718.170.426	13.217.578.599
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(995.582.676)	-
IV. Hàng tồn kho	140		21.500.912.441	10.005.661.391
1. Hàng tồn kho	141	8	21.500.912.441	10.005.661.391
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.387.000.779	7.932.841.181
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.982.681.826
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.296.717.958	-
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.082.821	3.242.520.356
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		88.200.000	1.707.638.999
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		307.314.203.009	308.892.183.129
I. Tài sản cố định	220		225.197.521.552	292.344.422.568
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	191.757.562.055	248.982.639.215
- Nguyên giá	222		410.978.933.094	361.997.055.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.221.371.039)	(113.014.416.620)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	27.982.456.668	42.011.397.204
- Nguyên giá	225		42.086.821.615	42.086.821.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.104.364.947)	(75.424.411)
3. Tài sản cố định vô hình	227		96.428.949	-
- Nguyên giá	228		170.056.700	34.013.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.627.751)	(34.013.700)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	5.361.073.880	1.350.386.149
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.000.000.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	60.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		22.116.681.457	16.547.760.561
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	18.999.413.457	13.430.492.561
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.117.268.000	3.117.268.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		623.732.458.607	705.273.812.593

MẪU B 01-DN				
Đơn vị: VND				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		243.165.451.239	317.510.272.714
I. Nợ ngắn hạn	310		166.425.614.738	207.355.476.800
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	60.183.954.800	61.946.897.154
2. Phải trả người bán	312		91.395.735.677	103.071.909.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.331.650.442	3.207.837.023
4. Phải trả người lao động	315		6.949.658.337	6.465.152.451
5. Chi phí phải trả	316		2.682.591.974	1.792.942.442
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		877.574.297	30.870.233.571
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.449.211	505.000
II. Nợ dài hạn	330		76.739.836.501	110.154.795.914
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	69.785.388.862	110.078.688.914
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	76.107.000
3. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		6.954.447.639	-
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		380.567.007.368	387.763.539.879
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	380.567.007.368	387.763.539.879
1. Vốn điều lệ	411		213.276.380.000	203.120.380.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.172.434.367	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.002.859.341	12.485.556.241
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.313.447.579	11.141.013.212
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		91.106.206.081	159.320.910.426
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		623.732.458.607	705.273.812.593

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại		-	-
Đô la Mỹ		5.497	3.151


Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 2 năm 2013


Ngô Duy Trọng
Kế toán trưởng


Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc

MẪU B 02-DN				
Đơn vị: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu góp	01	19	801.188.394.926	731.819.397.656
2. Doanh thu thuần (10=01)	10		801.188.394.926	731.819.397.656
3. Giá vốn hàng bán	11	20	616.167.464.005	455.538.486.651
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		185.020.930.921	276.280.911.005
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	20.837.969.316	15.955.936.860
6. Chi phí tài chính	22	23	23.484.318.937	28.514.866.146
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.422.238.239	26.064.097.664
7. Chi phí bán hàng	24		7.287.168.528	6.201.241.726
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.545.940.025	26.500.198.908
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		135.541.472.747	231.020.541.085
10. Thu nhập khác	31		333.048.708	163.116.154
11. Chi phí khác	32		3.640.016.316	4.278.499.434
12. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(3.306.967.608)	(4.115.383.280)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		132.234.505.139	226.905.157.805
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	14.308.265.974	23.456.470.472
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		117.926.239.165	203.448.687.333
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.339	10.016



Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 2 năm 2013



Ngô Duy Trọng
Kế toán trưởng



Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc

MẪU B 03-DN			
Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	132.234.505.139	226.905.157.805
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	120.275.509.006	82.458.634.855
Các khoản dự phòng	03	(550.000.000)	550.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(15.665.852)	1.119.558.176
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.741.999.160)	(15.718.309.266)
Chi phí lãi vay	06	23.422.238.239	26.064.097.664
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	254.624.587.372	321.379.139.234
Chênh lệch các khoản phải thu	09	(14.951.137.253)	(61.062.680.336)
Chênh lệch hàng tồn kho	10	(11.495.251.050)	(5.203.232.861)
Chênh lệch các khoản phải trả	11	(6.897.317.507)	63.372.657.325
Chênh lệch chi phí trả trước	12	(2.586.239.070)	(16.307.091.726)
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.923.603.901)	(25.187.620.717)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.020.253.340)	(20.406.345.495)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.366.671.871)	(6.962.814.493)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	176.384.113.380	249.622.010.931
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(48.393.234.715)	(208.292.009.726)
2. Tiền chi đầu tư	23	(52.000.000.000)	(57.000.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	21.799.973.914	12.522.118.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(78.593.260.801)	(252.769.891.002)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Nhận vốn góp của cổ đông	31	10.156.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.600.000.000	190.630.718.299
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62.656.923.954)	(88.403.687.767)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36	(157.883.028.000)	(12.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(191.783.951.954)	89.727.030.532
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(93.993.099.375)	86.579.150.461
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	179.293.614.903	92.714.464.442
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	4.603.588	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	85.305.119.116	179.293.614.903

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 10.919.624.655 đồng (năm 2011: 6.184.251.380 đồng), là giá trị tài sản cố định mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần chênh lệch các khoản phải trả.

Cổ tức lợi nhuận đã trả trong năm không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán 553.410.000 đồng (năm 2011: 30.470.610.000 đồng) nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần chênh lệch các khoản phải trả.



Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 2 năm 2013



Ngô Duy Trọng
Kế toán trưởng



Đặng Văn Vinh
Tổng Giám đốc

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 57,47%) và IEV Group (sở hữu 13,01%) được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 29,52% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 169 người (năm 2011: 168 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 50.000.000 m³/năm; Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG,LNG và LPG; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư và các khoản kí quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	3 - 6

MẪU B 09-DN

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

MẪU B 09-DN

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	184.555.622	116.220.432
Tiền gửi ngân hàng	17.120.563.494	7.728.738.491
Các khoản tương đương tiền	68.000.000.000	171.448.655.980
	85.305.119.116	179.293.614.903

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm 9% (năm 2011: 6% đến 14%).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	52.000.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu PVGas	3.100.000.000	3.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(550.000.000)
	55.100.000.000	62.550.000.000

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam từ sáu tháng đến mười hai tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 9% đến 11% (năm 2011: 14%) và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phiếu PVGas với giá mua là 31.000 đồng/cổ phiếu.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi dự thu	3.161.597.222	4.219.571.976
Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (*)	5.687.000.000	5.687.000.000
Phải thu khác (**)	5.869.573.204	3.311.006.623
	14.718.170.426	13.217.578.599

(*)Đây là khoản góp vốn của Công ty cổ phần CNG Việt Nam với Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam để xây dựng văn phòng làm việc theo hợp đồng số 07/2011/GAS S-CNG VN/HDKT ngày 17/1/2011. Mọi quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan đến dự án sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giá trị góp vốn bằng tiền sau khi dự án hoàn thành. Dự kiến việc xây dựng văn phòng sẽ hoàn tất vào tháng 6 năm 2013.

(**) Khoản phải thu khác bao gồm quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2012 đã chi với số tiền 5.726.068.380 đồng và các khoản phải thu khác.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	19.618.513.075	8.940.966.506
Công cụ, dụng cụ	56.931.700	49.210.017
Thành phẩm	1.825.467.666	1.015.484.868
	21.500.912.441	10.005.661.391

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	1.275.798.602	130.453.983.173	228.993.414.610	1.273.859.450	361.997.055.835
Tăng	7.152.501.941	2.456.868.383	28.249.342.727	292.716.819	38.151.429.870
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		10.121.356.480	709.090.909		10.830.447.389
Tại ngày 31/12/2012	8.428.300.543	143.032.208.036	257.951.848.246	1.566.576.269	410.978.933.094
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	393.125.379	39.242.421.336	72.541.149.645	837.720.260	113.014.416.620
Khấu hao trong năm	2.840.617.500	34.604.553.294	68.474.205.114	287.578.511	106.206.954.419
Tại ngày 31/12/2012	3.233.742.879	73.846.974.630	141.015.354.759	1.125.298.771	219.221.371.039
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	5.194.557.664	69.185.233.406	116.936.493.487	441.277.498	191.757.562.055
Tại ngày 1/1/2012	882.673.223	91.211.561.837	156.452.264.965	436.139.190	248.982.639.215

Theo trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thể chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 101.016.746.915 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 162.628.311.067 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.
Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 614.418.983 đồng (năm 2011: 295.755.566 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải
	VND
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012	42.086.821.615
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2012	75.424.411
Khấu hao trong năm	14.028.940.536
Tại ngày 31/12/2012	14.104.364.947
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	27.982.456.668
Tại ngày 1/1/2012	42.011.397.204

Tài sản thuê tài chính thể hiện năm (5) bồn chứa khí CNG composite, loại 40ft thuê từ công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với thời hạn 36 tháng kể từ ngày nhận nợ.

MẪU B 09-DN		
11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG		
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án CNG Việt Nam điều chỉnh (chi phí lắp đặt trạm)	-	596.732.240
Dự án CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	-	753.653.909
Dự án cấp khí bằng đường ống	5.361.073.880	-
	5.361.073.880	1.350.386.149

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện số tiền ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Sài Gòn (PVFC Sài Gòn) theo hợp đồng số 43/2012/UTCV/CNGVN-PVFCSG ngày 26/4/2012 với thời hạn 24 tháng. Khoản tiền này được hưởng lãi suất bằng với lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng đối với các tổ chức kinh tế của PVFC Sài Gòn tại thời điểm ủy thác và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản trả trước tiền thuê diện tích 13.000 mét vuông đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053 và lợi thế thương mại từ việc thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được phân bổ 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2012.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	18.600.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	29.724.800.000	50.797.769.154
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	11.859.154.800	11.149.128.000
	60.183.954.800	61.946.897.154

Tại ngày 19 tháng 12 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu để đầu tư ba (3) bồn chứa khí CNG composite. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 18.600.000.000 đồng và đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 1%/năm đối với đồng Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2012 là 26.863.032.389 đồng theo Hợp đồng thế chấp số No. 150/2012/HDTD1-OCEANBANK-08 ngày 19 tháng 12 năm 2012.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	993.512.831	157.712.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.338.137.611	3.050.124.977
	4.331.650.442	3.207.837.023

MẪU B 09-DN		
16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN		
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	59.902.759.790	89.638.622.054
Nợ thuê tài chính dài hạn	9.882.629.072	20.440.066.860
	69.785.388.862	110.078.688.914

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Vũng Tàu	59.902.759.790	89.638.622.054
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Sài Gòn Thương Tín	9.882.629.072	20.440.066.860
	69.785.388.862	110.078.688.914

Tại ngày 1 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng và đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng 3,3%/năm đối với đồng Việt Nam và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm đối với đô la Mỹ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2012 là 74.153.714.526 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 138.619.098.572 đồng) theo Hợp đồng thế chấp số 286.10.002.0452897.TC.DN ngày 1 tháng 11 năm 2010.

Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011, Công ty ký hợp đồng thuê năm (5) bồn chứa khí CNG composite với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài gòn Thương Tín với thời hạn là 36 tháng. Tổng số tiền thuê dự kiến là 42.674.535.360 đồng. Khoản thuê này chịu lãi suất theo lãi suất huy động bình quân của ba ngân hàng (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) cộng tỷ lệ phí thuê tài chính cố định 5%.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	29.724.800.000	50.797.769.154
Trong năm thứ hai	29.724.800.000	29.728.480.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	30.177.959.790	59.910.142.054
	89.627.559.790	140.436.391.208
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(29.724.800.000)	(50.797.769.154)
Số phải trả sau 12 tháng	59.902.759.790	89.638.622.054

MẪU B 09-DN

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính				
Trong vòng một năm	14.184.866.900	15.952.285.684	11.859.154.800	11.149.128.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.434.820.873	23.776.972.089	9.882.629.072	20.440.066.860
Sau năm năm	-	-	-	-
	24.619.687.773	39.729.257.773	21.741.783.872	31.589.194.860
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(2.877.903.900)	(8.140.062.913)		-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	21.741.783.873	31.589.194.860	21.741.783.872	31.589.194.860
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(11.859.154.800)	(11.149.128.000)
Số phải trả sau 12 tháng			9.882.629.072	20.440.066.860

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	21.327.638	20.312.038
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	213.276.380.000	203.120.380.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	21.327.638	20.312.038
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	213.276.380.000	203.120.380.000

Cổ phiếu

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	21.327.638	20.312.038
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	21.327.638	20.312.038

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

MẪU B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ đông	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2011	125.000.000.000	1.695.680.000	-	-	610.000.000	105.870.805.321	233.176.485.321
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	203.448.687.333	203.448.687.333
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(42.968.057.000)	(42.968.057.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	78.120.380.000	-	-	(24.372.990.000)	-	(53.747.390.000)	-
Cổ phiếu lẻ chưa chi	-	-	-	-	-	(2.553.000)	(2.553.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	36.858.546.241	10.531.013.212	(53.280.582.228)	(5.891.022.775)
Số dư tại ngày 31/12/2011	203.120.380.000	1.695.680.000	-	12.485.556.241	11.141.013.212	159.320.910.426	387.763.539.879
Vốn đã góp trong năm	10.156.000.000	-	-	-	-	-	10.156.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	117.926.239.165	117.926.239.165
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(127.965.828.000)	(127.965.828.000)
Phân phối quỹ	-	-	10.172.434.367	30.517.303.100	10.172.434.367	(58.175.115.510)	(7.312.943.676)
Số dư tại ngày 31/12/2012	213.276.380.000	1.695.680.000		43.002.859.341	21.313.447.579	91.106.206.081	380.567.007.368

Tại nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2011 Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 13 tháng 9 năm 2011, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên sau khi hoàn thành việc tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu. Tỉ lệ phát hành không vượt quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành (dự kiến tối đa 1.015.621 cổ phần). Số lượng cụ thể cổ phiếu phát hành do Hội đồng quản trị quyết định. Theo nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 1 năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt phương án phát hành 1.015.600 cổ phần, tương đương 10.156.000.000 đồng. Đến ngày 20 tháng 2 năm 2012, số cổ phần phát hành thêm đã được cán bộ công nhân viên Công ty góp đủ. Vào ngày 15 tháng 3 năm 2012, số cổ phần tương ứng với phần vốn tăng thêm đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận nguyên tắc niêm yết bổ sung.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 6 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 3 năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 45%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 95.974.371.000 đồng.

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 19 tháng 8 năm 2012, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 31.991.457.000 đồng

Trong năm, Công ty đã trích lập Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (Vốn khác của chủ sở hữu), Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, với số tiền tương ứng là 10.172.434.367 đồng, 30.517.303.100 đồng, 10.172.434.367 đồng và 7.312.943.676 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 6 tháng 4 năm 2012.

Chi tiết góp vốn của các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	122.567.960.000	57,47	122.567.960.000	60,34
IEV Group	27.736.790.000	13,01	21.856.790.000	10,76

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN

MẪU B 09-DN

Công ty có trụ sở và nhà máy CNG Phú Mỹ tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Cơ cấu tổ chức của Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh CNG. Do đó, công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

19. DOANH THU GỘP

	2012	2011
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	801.188.394.926	731.819.397.656
	801.188.394.926	731.819.397.656

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012	2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	616.167.464.005	455.538.486.651
	616.167.464.005	455.538.486.651

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	419.329.611.812	342.556.813.642
Chi phí nhân công	39.157.126.712	17.915.512.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.355.005.255	78.644.630.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.558.205.773	47.041.864.181
Chi phí khác	21.346.949.556	2.870.835.993
	665.746.899.108	489.029.656.674

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	20.421.999.160	15.718.309.266
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.304.304	237.627.594
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.665.852	-
Cổ tức	320.000.000	-
	20.837.969.316	15.955.936.860

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.422.238.239	26.064.097.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62.080.698	426.919.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.119.558.176
Chi phí tài chính khác	-	904.290.660
	23.484.318.937	28.514.866.146

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	132.234.505.139	226.905.157.805
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(320.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.645.082.760	4.802.046.916
Thu nhập chịu thuế	142.559.587.899	231.707.204.721
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%	348.714.560	1.905.000.000
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 10%	142.210.873.339	229.802.204.721
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.308.265.974	23.456.470.472

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2012) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	117.926.239.165	203.448.687.333
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.089.338	20.312.038
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.339	10.016

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được tính trên cơ sở số lượng cổ phiếu đã phát hành cộng với số lượng cổ phiếu tăng thêm do chi trả cổ tức và thưởng bằng cổ phiếu trong năm.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN		
26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
	2012	2011
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	780.633.440	2.722.194.323

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	635.772.000	2.611.752.403
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.165.080.000	8.209.388.144
Sau năm năm	9.029.370.000	25.559.928.878
	10.830.222.000	36.381.069.425

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, văn phòng và cơ sở hạ tầng tại Thành phố Vũng Tàu:

Tổng số tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m² theo Hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLĐ/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và phụ lục.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	129.969.343.662	172.025.586.068
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(85.305.119.116)	(179.293.614.903)
Nợ thuần	44.664.224.546	(7.268.028.835)
Vốn chủ sở hữu	380.567.007.368	387.763.539.879
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,12	(0,02)

Các khoản vay bao gồm vay ngắn hạn, vay và nợ dài hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.305.119.116	179.293.614.903
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.628.162.149	136.354.625.239
Đầu tư ngắn hạn	55.100.000.000	62.550.000.000
Đầu tư dài hạn	60.000.000.000	-
Các khoản kí quỹ dài hạn	3.117.268.000	3.117.268.000
Tổng cộng	354.150.549.265	381.315.508.142
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	129.969.343.662	172.025.586.068
Phải trả người bán và phải trả khác	92.273.309.974	133.942.142.730
Chi phí phải trả	2.682.591.974	1.792.942.442
Tổng cộng	224.925.245.610	307.760.671.240

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	10.006.539.237	10.473.212.254	114.359.258	65.632.862
Euro (EUR)	-	2.011.743.813	-	-

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
	989.217.998	2.042.518.098
Đô la Mỹ (USD)		
Euro (EUR)	-	201.174.381

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm 2.599.386.873 đồng (2011: 3.440.511.721 đồng).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.305.119.116	-	85.305.119.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.628.162.149	-	150.628.162.149
Đầu tư ngắn hạn	55.100.000.000	-	55.100.000.000
Đầu tư dài hạn	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản kí quỹ dài hạn	-	3.117.268.000	3.117.268.000
Tổng cộng	291.033.281.265	63.117.268.000	354.150.549.265
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	60.183.954.800	69.785.388.862	129.969.343.662
Phải trả người bán và phải trả khác	92.273.309.974	-	92.273.309.974
Chi phí phải trả	2.682.591.974	-	2.682.591.974
Tổng cộng	155.139.856.748	69.785.388.862	224.925.245.610
Chênh lệch thanh khoản thuần	135.893.424.517	(6.668.120.862)	129.225.303.655

MẪU B 09-DN			
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.293.614.903		179.293.614.903
Phải thu khách hàng và phải thu khác	136.354.625.239	-	136.354.625.239
Đầu tư ngắn hạn	62.550.000.000	-	62.550.000.000
Các khoản kí quỹ dài hạn	-	3.117.268.000	3.117.268.000
Tổng cộng	378.198.240.142	3.117.268.000	381.315.508.142
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	61.946.897.154	110.078.688.914	172.025.586.068
Phải trả người bán và phải trả khác	133.942.142.730	-	133.942.142.730
Chi phí phải trả	1.792.942.442	-	1.792.942.442
Tổng cộng	197.681.982.326	110.078.688.914	307.760.671.240
Chênh lệch thanh khoản thuần	180.516.257.816	(106.961.420.914)	73.554.836.902

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	279.529.375.694	310.510.289.468
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	125.117.107.493	29.818.897.655
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	1.028.767.275	-
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	8.398.675	51.020.775
Cổ tức công bố trong năm		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	73.540.776.000	66.307.838.000
IEV Group	13.996.074.000	9.252.084.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Lương, thưởng và thù lao	4.630.114.182	3.906.189.330

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

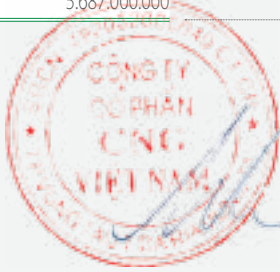
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	60.341.347.296	85.531.438.299
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	13.958.996.822	5.228.935.994
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	120.513.500	-
Cổ tức chưa chi trả		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	18.385.194.000
IEV Energy SDN.BHD	-	1.175.025.000
IEV Group	-	3.278.518.500
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	5.687.000.000	5.687.000.000



Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 2 năm 2013



Ngô Duy Trọng
Kế toán trưởng



Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam- CNG Vietnam Joint Stock Company.

Trụ sở chính: Số 35i, Đường 30/4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.

Nhà máy: Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Đường số 15, Huyện Tân Thành, Bà Rịa- Vũng Tàu

ĐT: + 84 - 64 - 3574635 - Fax: + 84 - 64 - 3574619

www.cng-vietnam.com - Email: info@cng-vietnam.com